

Bản án số: 67/2023/DS-ST  
Ngày 27-3-2023  
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Phạm Thị Gấm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Bùi Diệu Huệ
- Ông Lê Văn Khanh

***Thư ký phiên tòa:*** bà Phan Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** bà Hồ Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 343/2020/TLST - DS ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST- DS ngày 13 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/QĐST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: phường X, quận Y, Thành phố Z.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Trường Th (theo giấy ủy quyền số 443/2021/UQ-GTT ngày 24/02/2021) - có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ liên lạc: số phường X, quận Y, Thành phố Z.

***Bị đơn:*** ông Hồ Phúc Vĩnh L, sinh năm: 1982 - vắng mặt.

Địa chỉ: phường A, quận B, Thành phố C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 7 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Trường Th trình bày:*

Ngày 27/11/2007, ông Hồ Phúc Vĩnh L có ký kết với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều kiện và Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng 1). Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng Visa Credit Classic 472074-5930 với hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.15%/tháng (lãi suất trong hạn). Ngày 11/01/2010 ông L và Ngân hàng ký kết Xác nhận và thỏa thuận (hợp đồng 2) đăng ký thêm thẻ Visa Parkson 464932-9276, hạn mức chung sử dụng 02 thẻ trên là 10.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 44.501.745 đồng (trong đó thẻ 472074 – 5930 thực hiện giao dịch 41.358.745 đồng và thẻ 464932 – 9276 thực hiện giao dịch 3.143.000 đồng). Ông L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 43.355.000 đồng (trong đó thẻ 472074 – 5930 thanh toán 40.855.000 đồng và thẻ 464932 – 9276 thanh toán 2.500.000 đồng), sau đó ông L không thanh toán tiếp. Ngày 11/01/2012 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 27/3/2023 như sau:

Số thẻ 464932-9276 dư nợ gốc: 1.797.522 đồng. Trong đó, lãi quá hạn là 7.880.628 đồng. Tổng dư nợ: 9.678.150 đồng. (1)

Số thẻ 472074-5930 dư nợ gốc: 9.985.358 đồng. Trong đó, lãi quá hạn: 43.944.996 đồng. Tổng dư nợ: 53.930.354 đồng. (2)

Tổng nợ của hai thẻ (1), (2): 63.608.504 đồng.

Nay, yêu cầu ông Hồ Phúc Vĩnh L phải thanh toán ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/03/2023 là 63.608.504 đồng (sáu mươi ba triệu, sáu trăm lẻ tám nghìn, năm trăm lẻ bốn đồng) trong đó: Tổng nợ gốc: 11.782.880 đồng, tổng lãi quá hạn: 51.825.624 đồng. Có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 28/03/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

*Tại phiên tòa hôm nay:*

Ông Phạm Trường Th là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn ông Hồ Phúc Vĩnh L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần hai lần, nhưng ông Hồ Phúc Vĩnh L vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Hồ Phúc Vĩnh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền. Các đương sự

thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án chưa bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 và giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu theo quy định khoản 2 Điều 220 BL TTDS năm 2015.

Về nội dung: căn cứ Điều 471, 474, 476 BLDS năm 2005, khoản 1 Điều 54 Luật các Tổ chức tín dụng năm 1997 được sửa đổi, bổ sung năm 2004 và Điều 11 Quy định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo các hợp đồng đã ký kết nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn cư trú tại số phường A, quận B, Thành phố C. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về tố tụng: ông Hồ Phúc Vĩnh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông Hồ Phúc Vĩnh L vẫn vắng mặt không lý do chính đáng. Ông Phạm Trường Th là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3]. Nội dung tranh chấp:

[3.1] Ngân hàng TMCP S buộc ông Hồ Phúc Vĩnh L thanh toán tổng số tiền gốc 11.782.880 đồng (thẻ Visa Credit Classic số 464932-9276 số tiền: 1.797.522 và thẻ Visa Parkson số 472074-5930 số tiền 9.985.358 đồng), Hội đồng xét xử xét thấy:

Về chủ thể, Ngân hàng TMCP S có tư cách pháp nhân, hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng năm 1997, sửa đổi, bổ sung năm 2004, ông Hồ Phúc Vĩnh L có đủ năng lực hành vi dân sự, các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hình thức của hợp đồng được lập thành văn bản tuân theo quy định của pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Điều kiện và Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 27/11/2007, Xác nhận và thỏa thuận, Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng

của Ngân hàng ngày 11/01/2010; bảng sao kê giao dịch thẻ tín dụng; thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế Ngân hàng TMCP S và các tài liệu khác mà Ngân hàng đã cung cấp có cơ sở xác định ông L có ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, sau khi được cấp thẻ ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 44.501.745 đồng (trong đó thẻ số 472074 – 5930 giao dịch 41.358.745 đồng và thẻ số 464932 – 9276 giao dịch 3.143.000 đồng).

Quá trình sử dụng thẻ, ông L đã thanh toán được 43.355.000 đồng (trong đó thẻ 472074 – 5930 thanh toán 40.855.000 đồng và thẻ 464932 – 9276 thanh toán 2.500.000 đồng). Theo thỏa thuận tại mục 2 về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ tại Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 27/11/2007 và ngày 11/01/2010 giữa Ngân hàng và ông L đã thỏa thuận “... *thanh toán tất cả các giao dịch và tất cả các khoản phí, chi phí phát sinh trên tài khoản do việc sử dụng thẻ bao gồm nhưng không giới hạn những khoản phí không hoàn lại, lệ phí và thuế theo quy định của pháp luật.....*”. Nhưng đến nay, ông L không thanh toán và còn nợ Ngân hàng số tiền gốc tổng cộng: 11.782.880 đồng. Trong đó: số thẻ 464932-9276 là 1.797.522 đồng; số thẻ 472074-5930 là 9.985.358 đồng. Như vậy, ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc đã được hai bên thỏa thuận, căn cứ Điều 471, 474 BLDS năm 2005 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông L phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 11.782.880 đồng.

[3.2] Về yêu cầu trả nợ lãi: do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc nên nguyên đơn đã chuyển toàn bộ nợ gốc sang nợ quá hạn theo thỏa thuận tại mục 23 của Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 27/11/2007 và ngày 11/01/2010, lãi suất quá hạn được áp dụng 150% lãi suất trong hạn (lãi suất trong hạn 2.15%). Thỏa thuận này phù hợp theo quy định tại Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005, khoản 1 Điều 54 Luật các Tổ chức tín dụng năm 1997 được sửa đổi, bổ sung năm 2004 và Điều 11 Quy định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Do đó, Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Hồ Phúc Vĩnh L thanh toán nợ lãi tạm tính đến ngày 27/3/2023 tổng số tiền 51.825.624 đồng (trong đó, số thẻ 464932-9276 lãi quá hạn: 7.880.628 đồng; số thẻ 472074-5930 lãi quá hạn: 43.944.996 đồng) là có căn cứ và phù hợp theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân về chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy, như phân tích ở trên thì ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: ông Hồ Phúc Vĩnh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền nợ phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S; Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí, được hoàn lại tiền án phí tạm nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471, 474, 476 BLDS năm 2005;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

#### **1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.**

Buộc ông Hồ Phúc Vĩnh L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/3/2023 là 63.608.504 đồng (sáu mươi ba triệu, sáu trăm lẻ tám nghìn, năm trăm lẻ bốn đồng), phát sinh từ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều kiện và Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 27/11/2007 và ngày 11/01/2012. Trong đó, số thẻ 464932-9276 dư nợ gốc: 1.797.522 đồng (một triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn, năm trăm hai mươi hai đồng), lãi quá hạn là 7.880.628 đồng (bảy triệu, tám trăm tám mươi nghìn, sáu trăm hai mươi tám đồng); số thẻ 472074-5930 dư nợ gốc: 9.985.358 đồng (chín triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn, ba trăm năm mươi tám đồng), lãi quá hạn: 43.944.996 đồng (bốn mươi ba triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn, chín trăm chín mươi sáu đồng).

Kể từ ngày 28/3/2023 ông Hồ Phúc Vĩnh L còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 27/11/2007; Xác nhận và thỏa thuận, Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 11/01/2012 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và ông Hồ Phúc Vĩnh L cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

#### **2. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Hồ Phúc Vĩnh L phải chịu 3.180.425 đồng (ba triệu, một trăm tám mươi nghìn, bốn trăm hai mươi lăm đồng).**

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP S số tiền là 1.242.848 đồng (một triệu, hai trăm bốn mươi hai nghìn, tám trăm bốn mươi tám đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 61867 ngày 25/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bên thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại địa phương.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND quận Bình Tân;
- THADS quận Bình Tân;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Gấm**